

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/2024/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 28**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 20/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của

tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị, gồm: Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cơ quan, người có thẩm quyền; các nội dung không quy định cụ thể tại quy định riêng của cơ quan, người có thẩm quyền thì được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước (đối với cơ quan của Đảng) và quy định về quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng) tại Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

3. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP) (sau đây gọi là việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ).

4. Nghị quyết này không điều chỉnh đối với:

Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ (được bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước.

2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, các quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của địa phương.

2. Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công; mua sắm hàng hoá, dịch vụ. Ngoài các nội dung quy định tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

3. Tài sản công, hàng hóa, dịch vụ được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) và việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ (trừ quy định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại Điều 14 Nghị quyết này)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và quyết định mua sắm đối với gói thầu mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 05 tỷ đồng/01 gói thầu mua sắm (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm các tài sản (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này), hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05

tỷ đồng trở lên/01 gói thầu mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm các tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 05 tỷ đồng/01 gói thầu mua sắm (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

6. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh) các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quy định pháp luật của Trung ương và cấp tỉnh về mua sắm tập trung.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh) quyết định thuê các tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định thuê các tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thuê trụ sở làm việc và tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định việc khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 10b và điểm d, đ khoản 1 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) tại đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 10b và điểm d, đ khoản 1 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản

lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản là xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.
4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản khác, trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan, trong các trường hợp sau:
 - a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
 - b) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) và ngược lại;
 - c) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện này (bao gồm cả cấp xã) sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện khác (bao gồm cả cấp xã).
3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này);
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; giữa cơ quan cấp huyện với cấp xã và ngược lại; giữa cấp xã với nhau thuộc phạm vi

quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã) trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 03 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 03 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Tài sản khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (gồm cả

cấp xã) đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 03 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với tài sản công là tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cấp xã) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác, trừ các tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả tài sản do nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí) đối với gói thầu có giá trị trên 200 triệu đồng.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả tài sản do nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí) đối với gói thầu có giá trị không quá 200 triệu đồng.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. / *ank*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND(N).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang